TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 326/2019/HNGĐ-ST Ngày 18/11/2019 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lý Thúy Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2019/HNGĐ-ST, ngày 27 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/10/2019, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1992;

ĐKHKTT: Thôn 4, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở: Thôn 7, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

* Bị đơn: Anh Hoàng Văn T**,** sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT: Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang;

Nơi ở: Thôn 4, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn Thị A. và Anh Hoàng Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 21/5/2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống và làm việc tại thôn 4, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên thường xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà

giải, nhưng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đến cuối năm 2018 chị An đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 7, xã L, thành phố T ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ngày 14/6/2019 chị Nguyễn Thị A. có đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Hoàng Văn T.

Quá trình giải quyết và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị A. xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Hoàng Văn T. Về con chung: Chị và anh T. có 01 con chung là Hoàng Duy H, sinh ngày 10/6/2009, hiện cháu H. đang ở với anh T. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập hiện chị đang cùng bố mẹ kinh doanh nhà hàng ăn uống tại gia đình, thu nhập bình quân từ cửa hàng khaorng 15.000.000 đồng/tháng

Tại phiên tòa bị đơn Anh Hoàng Văn T. trình bầy: Anh và Chị Nguyễn Thị A. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên anh nhất trí ly hôn với Chị Nguyễn Thị A. Về con chung, anh chị có 01 cháu là Hoàng Duy H, sinh ngày 10/6/2009, hiện cháu H. đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu chị A. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập, hiện gia đình anh có mở 01 xưởng xẻ gỗ và làm dịch vụ cho thuê cốt pha, ngoài ra anh có làm thêm việc trông coi công trình xây dựng, thu nhập trung bình là 15.000.000 đồng/tháng.

Lời khai của cháu Hoàng Duy H, sinh ngày 10/6/2009 có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cháu là con bố Hoàng Văn T. và mẹ Nguyễn Thị A, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Chị Nguyễn Thị A.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T. và chị A. cùng xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai hay cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết bị đơn Anh Hoàng Văn T. có mặt ở địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã làm đủ các biện pháp nghiệp vụ điều tra, triệu tập nhưng anh T. không đến Tòa án để làm việc. Do vậy, Tòa án không tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Hoàng Văn T. và Chị Nguyễn Thị A. kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh T. là ông Hoàng Văn Th. và bà Nguyễn Thị M. ở thôn 4, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Năm 2018, chị A. bỏ về nhà bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Công M. và bà Nguyễn Thị X. tại thôn 7, xã L sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Về thu nhập của anh T: Gia đình ông Hoàng Văn Th. và bà Nguyễn Thị M. có mở 01 xưởng xẻ gỗ và làm dịch vụ cho thuê cốt pha, thu nhập cụ thể bao nhiêu, chính quyền địa phương không nắm được. Thu nhập bình quân của người dân lao động tự do tại thôn 4, xã L, thành phố T hiện nay là 3.000.000 đồng /tháng.

Về thu nhập của chị A: Gia đình ông Nguyễn Công M. và bà Nguyễn Thị X. có mở cửa hàng ăn uống tại nhà, chị A. có ở nhà làm việc phụ giúp gia đình, thu nhập hàng tháng của nhà hàng ăn uống thì chính quyền địa phương không nắm được. Thu nhập bình quân của người dân lao động tự do tại thôn 7, xã L, thành phố T hiện nay là 3.000.000đ/tháng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị A, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị A. với Anh Hoàng Văn T; Giao con chung là Hoàng Duy H. cho Chị Nguyễn Thị A. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo nguyện vọng của cháu H. và chị A., Anh Hoàng Văn T. không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị A. không yêu cầu). Anh T. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản và vay nợ chung do chị A. và anh T. xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/8/2019 Toà án nhâ dân thành phố Tuyên Quang thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình, sau đó tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn Anh Hoàng Văn T. đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh T. đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được.

Tuy bị đơn anh T. có đăng ký HKTT tại thành phố H, tỉnh Hà Giang nhưng nơi cư trú của anh T. ở tại xã L, thành phố T, anh T. thường xuyên sinh sống và làm việc tại xã L, thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A. và Anh Hoàng Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 21/5/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, chị A. có đơn ly hôn với anh T., anh T. nhất trí ly hôn với chị A..

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện cuộc sống của chị A. và anh T. không hạnh phúc, anh chị hiện đang sống ly thân. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Tại phiên tòa anh T. và chị A. cùng nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện không trái pháp luật nên HĐXX công nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Duy H, sinh ngày 10/6/2009, cháu H. hiện đang ở với anh T. và ông bà nội. Quá trình giải quyết Anh Hoàng Văn T. và Chị Nguyễn Thị A. cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, cháu H. có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét anh T. và chị A. là lao động tự do, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng giáo dục con chung nên anh chị phải có nghĩa vụ và trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Tuy nhiên, anh T. là lao động tự do, tính chất công việc thường đi làm xa. Tại phiên tòa anh T. cũng thừa nhận anh thường phải đi trông coi công trình xây dựng, không có mặt ở địa phương nên các lần Tòa án báo gọi anh đến Tòa án làm việc anh không về được. Chị A. có HKTT tại địa phương và hiện đang sinh sống, làm việc ngay tại nhà, không phải đi làm xa. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển toàn diện của cháu H. cũng như đảm bảo nguyên tắc bảo vệ bà mẹ và trẻ em khi giải quyết ly hôn, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét nguyện vọng của chị A. và cháu H. cần giao cháu Hoàng Duy H. cho Chị Nguyễn Thị A. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị A. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị A. và Anh Hoàng Văn T. xác định không có, không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 271 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị A. và Anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Duy H, sinh ngày 10/6/2009 cho Chị Nguyễn Thị A. trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (cháu H. hiện đang sống cùng anh T.). Anh Hoàng Văn T. không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị A. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A. phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002942 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị A. đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Chiến